|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  TRƯỜNG THCS SỐ 2 XÃ PHÚ NHUẬN**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

|  |
| --- |
| **ĐỀ 01** |

 | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****MÔN: TOÁN – LỚP 8****NĂM HỌC: 2023 - 2024***Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)**(Đề gồm có 20 câu, 04 trang)* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

***Hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án trong mỗi câu sau vào bài làm.***

**Câu 1:** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là dữ liệu định tính?

A. Môn thể thao yêu thích của một số bạn học sinh lớp 8A: bóng đá, cầu lông, bóng bàn, …

B.Chiều cao (tính bằng cm ) của một số bạn học sinh lớp 8A: 151,5; 149,4; 159,7; …

C. Điểm kiểm tra môn Toán của một số bạn học sinh lớp 8A: 3; 7; 10 ; 8; …

D. Trình độ tay nghề của một số công nhân trong phân xưởng A gồm các bậc: 6; 5; 4; 3; 2; 1

**Câu 2:**Một trường THCS phát động phong trào biểu diễn văn nghệ nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20 -11 cho học sinh tất cả các lớp. Biết rằng mỗi lớp chỉ biểu diễn tối đa 3 tiết mục. Bảng thống kê số tiết mục đăng kí tham gia diễn văn nghệ của từng lớp như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C | 7A | 7B | 7C | 8A | 8B | 9A | 9B |
| Số tiết mục | 2 | 1 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 3 | 5 |

Theo em, số liệu của lớp nào **chưa** hợp lí trong bảng số liệu trên?

 A. 6B  B. 7C C. 8A D. 9B

**Câu 3:**Biểu đồ cột biểu diễn số học sinh chọn các loại nước trong buổi liên hoan để uống gồm: nước cam, nước dừa, nước chanh, nước mía, mỗi học sinh đều đã uống đúng một loại nước:



Trong biểu đồ trên, số người thích nước chanh là:

 A.12 người B. 8 người C. 11 người D. 5 người

**Câu 4:** Một công ty mới thành lập có ba cửa hàng bán sản phẩm. Số sản phẩm bán được của mỗi cửa hàng trong hai tháng đầu được biểu diễn bằng biểu đồ kép dưới đây.



Trong 2 tháng, tổng số sản phẩm mà cửa hàng Hưng Thịnh bán được nhiều hơn tổng số sản phẩm cửa hàng An Bình bán được là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  A. 1222 |  B. 320 |  C. 902 |  D. 311 |

**Câu 5**: Bạn Nam tung một đồng xu cân đối và đồng chất 20 lần, có 13 lần mặt ngửa, 7 lần mặt sấp. Xác suất của biến cố ***“Mặt sấp xuất hiện”*** là:

 A.  B.  C.  D. 

**Câu 6:** Một túi đựng các quả cầu giống hệt nhau, chỉ khác màu, trong đó có 26 quả màu đỏ, 62 quả màu tím, 8 quả màu vàng, 9 quả màu trắng. Lấy ngẫu nhiên 1 quả trong túi. "***Xác suất để lấy được quả cầu màu tím" là:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.   | B.   | C.   | D.  |

**Câu 7:** Cho hình vẽ, biết . Hãy chọn khẳng định đúng?



A.  B. 

C.  D. 

**Câu 8:** Cho ,, (hình vẽ ). Khẳng định nào dưới đây đúng?

A. B.  

 **C.** D.

**Câu 9:** Cho hình vẽ: Đường trung bình của tam giác  là:

A. ED

 B. MD

 C. DF

 D. EF

**Câu 10:** Cho ΔABC. MN là đường trung bình của ΔABC. Biết BC = 3cm.

Độ dài đoạn thẳng MN bằng:

A. MN = 4cm B. MN = 3 cm

C. MN = 1,5cm D. MN = 6cm

**Câu 11:** Cho , AD là phân giác trong của góc .

Hãy chọn câu đúng

  .

 . .

**Câu 12.** Cho hình vẽ, cách viết đúng là:

 **A.** ∆ABC ∽ ∆DEF

 **B.** ∆ABC ∽ ∆EDF

 **C.** ∆ABC ∽ ∆FDE

 **D.** ∆ABC ∽ ∆DFE

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 13 (1,0đ).** Tìm điểm không hợp lí trong dữ liệu cho dưới đây.

a) Số lượng học sinh từng lớp ở khối lớp 8 của một trường trung học cơ sở dự thi hết Học kì I môn Toán.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Số học sinh dự thi** |
| 8A1 | 40 | 40 |
| 8A2 | 41 | 40 |
| 8A3 | 42 | 42 |
| 8A4 | 41 | 42 |

b) Kết quả 5 bài kiểm tra môn Toán của bạn Tâm lần lượt là: 8; -6, 7, 5, 9.

**Câu 14 (1,0đ)**

Biểu đồ cột ở hình vẽ biểu diễn kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020. Ở đây, kim ngạch xuất khẩu một loại hàng hóa là số tiền thu được khi xuất khẩu loại hàng hóa đó. Nêu cách xác định kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm 2020.



**Câu 15 (1,0đ).** Bảng dữ liệu sau cho biết tình hình xếp loại học kì 1 của học sinh khối 7:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| Số học sinh | 36 | 162 | 90 | 72 |

Tỉ lệ phần trăm học sinh loại **Tốt** so với học sinh cả khối 7 là bao nhiêu?

**Câu 16 (1,0đ).** Dịch covid - 19 đã và đang là thách thức của nhân loại với số ca nhiễm và tử vong quá lớn. Theo các chuyên gia, phổi là bộ phận bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau khi mắc covid. Trong đợt kiểm tra sức khỏe học sinh, Phòng giáo dục của một huyện đã điều tra dung tích phổi chuẩn của 20 bạn học sinh nam lớp 7 có cùng chiều cao là 156,2cm và cân nặng 45,3kg, bộ phận điều tra thu được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3581,5 | 3582 | 3581,5 | 3581,4 | 3581 | 3585 | 3583,4 | 3586,2 | 3587 | 3580 |
| 3548 | 3559,3 | 3545 | 3582 | 3581 | 3588 | 3573 | 3546,5 | 3580 | 3590 |

 Hãy điền số liệu thích hợp vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phân loại dung tích phổi | Dưới chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Số học sinh | ? | ? | ? |

Biết công thức tính dung tích toàn phổi chuẩn đối với nam là: 

 Trong đó: H là chiều cao (đơn vị cm); W là cân nặng (tính bằng kg) (kết quả làm tròn đến hàng phần mười).

**Câu 17 (0,5đ).** Một hộp có chứa 10 quả cầu màu xanh được đánh số từ 1 đến 10 và 5 quả cầu màu đỏ được đánh số từ 11 đến 15. Lấy ngẫu nhiên một quả trong hộp. Tính xác suất của biến cố:

**“Quả cầu được chọn ra màu xanh”**

****

**Câu 18 (1,0đ).** Tìm *x* trong hình vẽ bên:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 19 (1,0đ).** Giữa hai điểm B và C có một cái ao (hình vẽ). Để đo khoảng cách BC người ta đo được các đoạn thẳng AD = 2m, BD = 10m, DE = 5m.Biết DE // BC. Tính khoảng cách giữa hai điểm B và C. | Giữa hai điểm B và C có một cái ao. Để đo khoảng cách BC người ta đo được các đoạn thẳng AD = 2 m, BD = 10 m và DE = 5 m. Biết DE // BC, tính khoảng cách giữa hai điểm B và C.   A. 30 m; B. 25 m; C. 20 m; D. 15 m. (ảnh 1) |

**Câu 20 (0,5đ).**

Cho ΔABC. Gọi I, K lần lượt là trung điểm của AB và AC. Biết BC = 8 cm. Tính IK = ?

............................................Hết..................................

|  |
| --- |
|  |
|  TRƯỜNG THCS SỐ 2 XÃ PHÚ NHUẬN**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

|  |
| --- |
| **ĐỀ 02** |

 | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****MÔN: TOÁN – LỚP 8****NĂM HỌC: 2023 - 2024***Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)**(Đề gồm có 20 câu, 04 trang)* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)**

 ***Hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án trong mỗi câu sau vào bài làm.***

**Câu 1:** Cho các dãy số liệu sau dữ liệu nào là dữ liệu định lượng?

A. Các loại xe máy: Vision; SH; Wave Alpha; Winner…

B. Các môn thể thao yêu thích: bóng đá, nhảy cao, cầu lông; ….

C. Các loại màu sắc yêu thích: màu xanh, màu vàng,….

D. Điểm trung bình môn Toán của các bạn học sinh trong lớp: 6,6; 7,2; 9,3; ….

 **Câu 2:**Thống kê số học sinh lớp 8A tham gia câu lạc bộ văn nghệ được cho trong bảng sau (mỗi học sinh chỉ tham gia một câu lạc bộ)

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu lạc bộ văn nghệ** | **Số học sinh tham gia** |
| Guitar | 6 |
| Organ | 70 |
| Múa | 10 |
| Hợp ca | 12 |

Dữ liệu không hợp lí trong bảng thống kê trên là của câu lạc bộ nào?

 A. Guitar B. Organ C. Múa D. Hợp ca

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3:**Biểu đồ quạt tròn trong hình dưới đây biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) diện tích của châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Nam Cực so với tổng diện tích của cả sáu châu lục đó:Châu Phi chiếm bao nhiêu phần trăm tổng diện tích của cả sáu châu lục? A. 6% B. 7%   C. 20% D. 28% |  (Nguồn: *https: //vi.wikipedia.org*) |
| **Câu 4:** Biểu đồ cột ở hình 33, biểu diễn kim ngạch xuất khẩu (ước đạt) của tỉnh Bình Dương vào các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Trong giai đoạn từ 2016 - 2020 kim ngạch xuất khẩuhàng hoá của tỉnh Bình Dương trung bình là bao nhiêu tỉ đô la Mỹ?A. 23,6478 tỉ đôlaB. 24,6478 tỉ đôlaC. 25,6478 tỉ đôlaD. 26,6478 tỉ đôla | Media VietJack |

**Câu 5:** Một hộp có 4 tấm thẻ cùng loại được đánh số lần lượt: 2; 3; 4; 5. Chọn ngẫu nhiên một thẻ từ hộp, kết quả thuận lợi cho biến cố “*Số ghi trên thẻ chia hết cho 3*” là thẻ:

 A. ghi số 5 B. ghi số 3 C. ghi số 4 D. ghi số 2

**Câu 6:** Một túi đựng các quả cầu giống hệt nhau, chỉ khác màu, trong đó có 26 quả màu đỏ, 62 quả màu tím, 8 quả màu vàng, 9 quả màu trắng. Lấy ngẫu nhiên 1 quả trong túi: *Xác suất để lấy được quả cầu màu trắng" là:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  A.   | B.   |  C.   |  D.  |



|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7:** Cho hình vẽ, biết . Hãy chọn khẳng định đúng?A.  B.  C.  D.  |  |
| **Câu 8:** , ,  (hình vẽ ). Khẳng định nào dưới đây đúng |  |

A. B.  

C. D.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 9:** Cho hình vẽ sau. Đường trung bình của tam giác ABC là:A. DE B. DF  C. EF D. Cả A, B, C đề u đúng |  |
| **Câu 10.** Cho tam giác ABC như hình vẽ, biết D, E thứ tự là trung điểm của AB, BC. Độ dài đoạn thẳng DE bằng: A. 1cm B. 1,5cm  C. 2cm D. 2,5cm |  |
| **Câu 11:** Cho , AD là phân giác là phân giác trong của góc A. Hãy chọn câu đúng:. B. . .  | A picture containing shape  Description automatically generated |

.

**Câu 12.** Cho hình vẽ, cách viết đúng là:

A. ∆ABC ∽ ∆MNP

 B. ∆ABC ∽ ∆MPN

 C. ∆ABC ∽ ∆NMP

 D. ∆ABC ∽ ∆PMN

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 13 (1,0).** Tìm điểm không hợp lí trong dữ liệu cho dưới đây

 a) Thống kê số huy chương bạc bạn Nam đạt được trong kỳ thi thể thao của trường

|  |
| --- |
| **Thống kê số huy chương bạc bạn Nam đạt được** **trong kỳ thi thể thao của trường** |
| **Môn thể thao** | **Số huy chương** |
| Đá cầu | 5 |
| Bơi | 0 |
| Cầu lông | 3,5 |
| Điền kinh | 2 |

b) Kết quả 5 bài kiểm tra môn Toán của bạn Tùng lần lượt là: 7; 8, 6, -5, 9.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 14 (1,0đ).** Biểu đồ cột ở hình vẽ biểu diễn kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020. Ở đây, kim ngạch xuất khẩu một loại hàng hóa là số tiền thu được khi xuất khẩu loại hàng hóa đó. Nêu cách xác định kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm 2019. |  |

**Câu 15 (1,0đ).** Thống kê trong lần kiểm tra cuối học kì I của lớp 8A vừa qua là:

Tỉ lệ phần trăm số bài đạt điểm 10 so với tổng số bài kiểm tra cuối học kì I của lớp 8A là bao nhiêu?

**Câu 16 (1,0đ).** Dịch covid - 19 đã và đang là thách thức của nhân loại với số ca nhiễm và tử vong quá lớn. Theo các chuyên gia, phổi là bộ phận bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau khi mắc covid. Trong đợt kiểm tra sức khỏe học sinh, Phòng giáo dục của một huyện đã điều tra dung tích phổi chuẩn của 20 bạn học sinh nam lớp 7 có cùng chiều cao là 156,2cm và cân nặng 45,3kg, bộ phận điều tra thu được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3581,5 | 3582 | 3581,5 | 3581,4 | 3581 | 3585 | 3583,4 | 3586,2 | 3587 | 3580 |
| 3548 | 3559,3 | 3545 | 3582 | 3581 | 3588 | 3573 | 3546,5 | 3580 | 3590 |

Hãy điền số liệu thích hợp vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phân loại dung tích phổi | Dưới chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Số học sinh | ? | ? | ? |

Biết công thức tính dung tích toàn phổi chuẩn đối với nam là: 

 Trong đó: H là chiều cao (đơn vị cm); W là cân nặng (tính bằng kg) (kết quả làm tròn đến hàng phần mười).

**Câu 17 (0,5đ).** Một hộp có chứa 10 quả cầu màu xanh được đánh số từ 1 đến 10 và 8 quả cầu màu đỏ được đánh số từ 11 đến 15. Lấy ngẫu nhiên một quả trong hộp. Tính xác suất của mỗi biến cố sau: **“Quả cầu được chọn ra màu đỏ”.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 18 (1,0đ)**. Cho hình bên, biết DE // AC, tìm x: |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 19 (1,0đ).** Để đo khoảng cách giữa hai vị trí A và B trong đo B không tới được, người ta tiến hành chọn các vị trí C, D, E như ở Hình 24 và đo được AC = 50m, CD = 20 m, DE = 18 m. Hỏi khoảng cách giữa hai vị trí A và B là bao nhiêu?. | A diagram of a triangle with a triangle and a triangle with a line and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and  Description automatically generated with medium confidence |

**Câu 20 (0,5đ).**

Cho ΔDEF. Gọi P, Q lần lượt là trung điểm của DE và DF. Biết EF = 10 cm. Tính PQ = ?

............................................Hết.....................................

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn: Toán** - **Lớp 8**

**Năm học: 2023** - **2024**

**ĐỀ 1**

 **I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)** *mỗi ý đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ĐA | A | D | C | B | A | B | D | C | C | C | B | B |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

****

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **13****(1,0đ)** | a) Sĩ số của lớp 8A4 chỉ là 41 (học sinh), nhỏ hơn số học sinh dự thi hết học kì I môn Toán lại là 42 (học sinh). Vì vậy, trong hai số liệu 41 và 42 của lớp 8A4 có ít nhất một số liệu không hợp lí.  b) Dữ liệu -6 không hộ lí vì kết quả một bài kiểm tra phải là số không âm. | **0,5****0,5** |
| **14****(1,0đ)** | Nhìn vào cột biểu thị kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm 2020, ta thấy trên đỉnh cột đó ghi số 50 và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ. Vậy kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm 2020 là 50 tỉ đô la Mỹ. | **0,5****0,5** |
| **15****(1,0đ)** | Tổng số học sinh khối 7 là: 36 + 162 + 90 + 72 = 360 (học sinh).Tỉ lệ phần trăm học sinh loại Tốt so với cả khối 7 là: (36 : 360). 100% = 10%.Vậy tỉ lệ phần trăm học sinh loại Tốt so với cả khối 7 là 10%. | **0,5****0,5** |
| **16****(1,0đ)** | Dung tích phổi chuẩn đối với HS nam có chiều cao 156,2cm và cân nặng 45,3kg là: | **0,5** |
| Ta có bảng số liệu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Phân loại dung tích phổi | Số học sinh |
| Dưới chuẩn | **9** |
| Đạt chuẩn | **2** |
| Trên chuẩn | **9** |

 | **0,5** |
| **17****(0,5đ)** | Số phần tử của tập hợp E là 15.Có 5 quả cầu màu xanh: 11, 12, 13, 14, 15. Vậy xác suất của biến cố “Quả cầu được chọn ra có màu xanh” là:  | **0,25****0,25** |
|  **18****(1,0đ)** | Ta có  | **0,25** |
|  (định lí Thales) | **0,25** |
| Hay Vậy: x = 6,8 | **0,5** |
| **19****(1,0đ)** | Giữa hai điểm B và C có một cái ao. Để đo khoảng cách BC người ta đo được các đoạn thẳng AD = 2 m, BD = 10 m và DE = 5 m. Biết DE // BC, tính khoảng cách giữa hai điểm B và C.   A. 30 m; B. 25 m; C. 20 m; D. 15 m. (ảnh 1)Xét có DE // BC. Nên (Hệ quả định lí Thales)Vậy khoảng cách giữa hai điểm B và C là 30m | **0,5****0,5** |
| **20****(0,5đ)** | + Vì I, K lần lượt là trung điểm của AB và AC nên IK là đường trung bình của tam giác ABC. =>Vậy IK = 4(cm) | **0,25****0,25** |

ĐỀ 2

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)** *mỗi ý đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ĐA | D | B | C | A | B | C | A | C | B | D | B | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **13****(1,0đ)** | a)Số liệu huy chương bạc môn Cầu lông là 0,5 không hợp lí vì số huy chương bạc phải là số tự nhiên.b)Dữ liệu -6 không hộ lí vì kết quả một bài kiểm tra phải là số không âm. | **0,5****0,5** |
| **14****(1,0đ)** | Nhìn vào cột biểu thị kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm 2019, ta thấy trên đỉnh cột đó ghi số 51,379 và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ. Vậy kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm 2019 là 51,379 tỉ đô la Mỹ. | **0,5****0,5** |
| **15****(1,0đ)** | Tổng số bài kiểm tra cuối học kì I của lớp 8A là:6+7+6+7+4+5+5 = 40 (bài)Số bài điểm 10 chiếm: Vậy tỉ lệ phần trăm số bài kiểm tra cuối học kì I đạt điểm 10 của lớp 8A là 12,5%. | **0,5****0,5** |
| **16****(1,0đ)** | Dung tích phổi chuẩn đối với HS nam có chiều cao 156,2cm và cân nặng 45,3kg là: | **0,5** |
|  | Ta có bảng số liệu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Phân loại dung tích phổi | Số học sinh |
| Dưới chuẩn | **9** |
| Đạt chuẩn | **2** |
| Trên chuẩn | **9** |

 | **0,5** |
| **17****(0,5đ)** | Số phần tử của tập hợp E là 18.Có 8 quả cầu màu đỏ. Vậy xác suất của biến cố “Quả cầu được chọn ra màu đỏ” là:  | **0,25****0,25** |
| **18****(1,0đ)** | Xét tam giác ABC có DE // AC, áp dụng định lý Thales, ta có:Trắc nghiệm Định lý Ta-lét trong tam giác có đáp án – Toán lớp 8 (ảnh 30)Trắc nghiệm Định lý Ta-lét trong tam giác có đáp án – Toán lớp 8 (ảnh 29) | **0,25****0,25****0,25****0,25** |
| **19****(1,0đ)** | Ta thấy:Xét $∆CAB$ có $DE//AB$, áp dụng hệ quả định lí Thalès ta có:$\frac{CD}{CA}=\frac{DE}{AB}⟺\frac{20}{50}=\frac{18}{AB}$ => $AB=50 . 18 :20=45$ mVậy khoảng cách giữa $A$ và $B$ là $45$m | **0,25****0,25****0,25****0,25** |
| **20****(0,5đ)** | + Vì P, Q lần lượt là trung điểm của DE và DF nên PQ là đường trung bình của tam giác DEF. =>Vậy PQ = 5(cm) | **0,25****0,25** |

 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS SỐ 2 XÃ PHÚ NHUẬN**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**  | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II****Năm học: 2023 - 2024****Môn: Toán 8***Thời gian: 90 phút (Không kể giao đề)* |
|  |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung****kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | Một số yếu tố thống kê và xác suất | Thu thập, phân loại, tổ chức dữ liệu theo các tiêu chí cho trước | 20,5đ | 11,0đ |  |  |  |  |  |  |  |
| Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ | 10,25đ | 11,0đ |  |  |  |  |  |  |  |
| Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | 10,25đ | 11,0đ |  |  |  |  |  | 1(1,0đ) |  |
| Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản.  |  |  |  |  | 20,5đ | 10,5đ |  |  |  |
| **2** | Định lí Thalès trong tam giác | - Định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo).  |  |  | 2(0,5đ) | 11,0đ |  | 1(1,0đ) |  |  |  |
| – Đường trung bình của tam giác.  |  |  | 2(0,5đ) | 1(0,5) |  |  |  |  |  |
| - Tính chất đường phân giác trong của tam giác.  |  |  | 1(0,25đ) |  |  |  |  |  |  |
| **3** | Hình đồng dạng | Tam giác đồng dạng |  |  | 1(0,25đ) |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | Câu  | **7** | **8** | **4** | **1** | **20****10** |
| Điểm | **4** | **3** | **2** | **1** |
| Tỉ lệ % | **40** | **30** | **20** | **10** | **100%** |
| Tỉ lệ chung | **70** | **30** | **100%** |

 **II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung****kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Một số yếu tố thống kê và xác suất | Thu thập, phân loại, tổ chức dữ liệu theo các tiêu chí cho trước | **Nhận biết**- Nhận biết được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác; phỏng vấn, truyền thông, Internet; thực tiễn.- Chỉ ra được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...). | TN 1TN 2TL 13 |  |  |  |
| Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ | **Nhận biết:**- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph).- Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản.**Thông hiểu:**- So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.- Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. | TN 3TL 14 |  |  |  |
| Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | **Nhận biết:**- Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8,...) và trong thực tiễn.**Thông hiểu:**- Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph).**Vận dụng cao**- Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). | TN4TL 15 |  |  | TL 16 |
| Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó | **Nhận biết:**- Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.**Vận dụng:**- Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. |  |  | TN 5,6TL 17 |  |
|  | Định lí Thalès trong tam giác | Định lí Thalès trong tam giác | **Thông hiểu**– Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo). – Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác. – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó). – Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác. **Vận dụng** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). |  | TN 7TN 8TN 9TN10TN11TL 18TL 20 | TL 19 |  |
| 3 | Hình đồng dạng | Tam giác đồng dạng | **Thông hiểu:**– Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng. |  | TN 12 |  |  |
| **Tổng** | **7** | **8** | **4** | **1** |